

Số: /KH-SLĐTBXH

Đắk Nông, ngày 23 tháng 11 năm 2023

## KẾ HOẠCH

### **Triển khai chuyển đổi số lĩnh vực lao động, người có công và xã hội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

Thực hiện Nghị Quyết số 01 - NQ/BCSD ngày 22/4/2022 của Ban cán sự Đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số lĩnh vực lao động, người có công và xã hội giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 366/QĐ-LĐTBXH ngày 25/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt Chương Chuyển đổi số Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 919/QĐ-LĐTBXH ngày 10/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Quyết định số 171/QĐ-LĐTBXH ngày 28/02/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành Kế hoạch của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Tỉnh ủy Đắk Nông về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 - 2025;

Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 21 tháng 03 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Tỉnh ủy Đắk Nông về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành kế hoạch thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Kế hoạch số 2415/KH-SLĐTBXH ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cải cách hành chính của Sở Lao động - Thương

binh và Xã hội giai đoạn 2021 - 2025.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Kế hoạch triển khai chuyển đổi số lĩnh vực lao động, người có công và xã hội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số nhằm hiện đại hóa sự phục vụ của đơn vị đối với người dân, doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng; Nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và quy trình giải quyết thủ tục hành chính điện tử đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp, giảm chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính; giúp hoạt động của cơ quan ngày càng hoàn thiện, nâng cao chất lượng công việc của công chức, viên chức, người lao động.

### **2. Yêu cầu**

Từng bước hoàn thành việc chuyển đổi số, đem lại hiệu quả trong công tác điều hành, quản lý và phục vụ người dân, doanh nghiệp; chuyển đổi số trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội phải đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả, đáp ứng các điều kiện thực tế của đơn vị.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong tất cả các lĩnh vực lao động, người có công và xã hội, trọng tâm là phục vụ người dân và doanh nghiệp nhằm góp phần đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước tại đơn vị.

Xây dựng hoàn chỉnh các cơ sở dữ liệu cần thiết của ngành như: Quản lý hồ sơ - thông tin về người có công; thực hiện chi trả không dùng tiền mặt cho đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội; bảo trợ xã hội; hộ nghèo; trợ cấp mai táng, hỗ trợ chi phí mai táng; thông tin trẻ em tại cơ sở; quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; quản lý an toàn lao động; cung cầu lao động; bảo hiểm thất nghiệp; qua đó phải đảm bảo tốt về hạ tầng công nghệ, giải pháp kỹ thuật cho kết nối, tích hợp và liên thông dữ liệu; thực hiện tốt công tác giải quyết thủ tục hành chính ở mức độ 3,4; đảm bảo an toàn thông tin và phát triển nguồn nhân lực số.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

#### **2.1. Mục tiêu đến năm 2025**

- 98% hồ sơ công việc tại Sở và tối thiểu 95% hồ sơ công việc tại các đơn vị trực thuộc Sở được xử lý trên môi trường mạng, trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

- 100% văn bản được ký số và lưu trữ điện tử theo quy định; công chức, viên chức xử lý hồ sơ công việc trên hệ thống quản lý văn bản điều hành và phần

mềm một cửa của tỉnh.

- 100% công chức, viên chức sử dụng thành thạo các phần mềm dùng chung của tỉnh phục vụ cho công việc.

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ được cập nhật dữ liệu đầy đủ trên hệ thống báo cáo của tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- 100% thông tin cung cấp lên Cổng thông tin điện tử Sở đúng theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ và quy định của pháp luật.

- 100% thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 khi có đủ điều kiện; tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên tổng số hồ sơ đạt 100%.

- 100% thủ tục hành chính được rà soát, xây dựng quy trình nội bộ sau khi có quyết định công bố thủ tục hành chính.

- 100% dịch vụ công được hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp.

- 100% các dịch vụ công trong giáo dục nghề nghiệp có hỗ trợ thực hiện trực tuyến, tương đương mức độ 3, 4.

- Đến năm 2025, phần đầu có 75% hồ sơ người có công được số hóa, phục vụ nhu cầu tra cứu thông tin và giải quyết chế độ, chính sách ưu đãi người có công được thuận tiện, dễ dàng so với việc trích lục hồ sơ giấy.

- 100% dữ liệu cần thiết phục vụ hoạt động quản lý đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo và thông tin trẻ em tại cơ sở được số hóa.

- 100% dữ liệu cung, cầu lao động, dữ liệu người Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng, người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam được số hóa; các khai báo thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt trong an toàn vệ sinh lao động được số hóa.

- 100% thông tin về người có công, thông tin về người lao động được cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Mức độ hài lòng đối với việc cung cấp dịch vụ công và thực thi công vụ của công chức, viên chức của Sở đạt trên 90%; Chỉ số cải cách hành chính năm sau cao hơn năm trước và đạt chỉ số 85% trở lên.

- 95% dữ liệu cần thiết phục vụ cho các hoạt động như quản lý dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo, thông tin về trẻ em tại cơ sở được số hóa, thuận tiện cho việc tra cứu thông tin.

## **2.2. Mục tiêu đến năm 2030:**

- 100% hồ sơ công việc tại Sở và các đơn vị trực thuộc Sở được xử lý trên môi trường mạng, trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

- Phần đầu trên 90% hồ sơ người có công được số hóa, phục vụ nhu cầu tra cứu thông tin và giải quyết chế độ, chính sách ưu đãi người có công được thuận tiện, dễ dàng so với việc trích lục hồ sơ giấy.

- 100% dữ liệu cần thiết phục vụ cho các hoạt động như quản lý dữ liệu về

hộ nghèo, hộ cận nghèo, thông tin về trẻ em tại cơ sở được số hóa, thuận tiện cho việc tra cứu thông tin.

- Duy trì 100% thông tin về người có công, thông tin về người lao động được cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Tiếp tục duy trì 100% dữ liệu cung, cầu lao động, dữ liệu người Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng, người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam được số hóa; các khai báo thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt trong an toàn vệ sinh lao động được số hóa.

- 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4, tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên tổng số hồ sơ phát sinh đạt 100%.

- Chủ trì, phối hợp, hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện chuyển đổi số đạt 100% theo Kế hoạch của tỉnh đề ra.

### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

#### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

Quán triệt, phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành của Trung ương và của tỉnh về xây dựng Chính phủ điện tử, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn, an ninh mạng. Trọng tâm là các văn bản:

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam;

- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 06/01/2022 phê duyệt Đề án đẩy mạnh ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số quốc gia, giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Nghị Quyết số 01 - NQ/BCSD ngày 22/4/2022 của Ban cán sự Đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số lĩnh vực lao động, người có công và xã hội giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 366/QĐ-LĐTBXH ngày 25/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt Chương Chuyển đổi số Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 919/QĐ-LĐTBXH ngày 10/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao

động - Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Quyết định số 171/QĐ-LĐTBXH ngày 28/02/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành Kế hoạch của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Tỉnh ủy Đắk Nông về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 21 tháng 03 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Tỉnh ủy Đắk Nông về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định 468/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành kế hoạch thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

- Thường xuyên rà soát, góp ý sửa đổi những vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các văn bản của Trung ương, của tỉnh về chuyển đổi số.

- Tiếp tục triển khai, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh.

## **2. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức**

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của công chức, viên chức, người lao động về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ của chuyển đổi số với các chương trình, kế hoạch hoạt động, mục tiêu nhiệm vụ của ngành.

- Tham gia các hội nghị chuyên đề, các cuộc tập huấn kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, các khóa đào tạo nâng cao kiến thức, nghiệp vụ về quản lý nhà nước trên nền tảng chuyển đổi số.

## **3. Nâng cấp, phát triển hạ tầng số**

- Rà soát hạ tầng mạng nội bộ, đảm bảo an toàn, an ninh mạng; hệ thống phòng họp trực tuyến (nếu có); quản lý; số hóa dữ liệu chuyên ngành; bổ sung, thay thế trang thiết bị làm việc đảm bảo cho việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

- Đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ thực hiện chuyển đổi toàn bộ địa chỉ giao thức Internet thế hệ cũ (Ipv4) sang sử dụng địa chỉ giao thức

Internet thế hệ mới (Ipv6).

#### **4. Phát triển dữ liệu, ứng dụng hệ thống thông tin dùng chung**

- Ứng dụng hiệu quả hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh; công chức, viên chức, người lao động đã được cấp chứng thư số thực hiện ký số 100% văn bản để phát hành trên môi trường điện tử; 100% công chức, viên chức, người lao động được cấp thư điện tử (*Mail công vụ*) sử dụng để trao đổi nghiệp vụ, tài liệu; Triển khai 100% cá nhân sử dụng chữ ký số trên thiết bị di động.

- Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đối với 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện; cập nhật 100% hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và Hệ thống một cửa điện tử tỉnh. Thường xuyên tuyên truyền với nhiều hình thức khác nhau nhằm khuyến khích, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và Hệ thống một cửa điện tử tỉnh.

- Thường xuyên cập nhật các thủ tục hành chính, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trình UBND tỉnh ban hành, cập nhật các quy trình điện tử trên hệ thống một cửa điện tử tỉnh để tiếp nhận và xử lý hồ sơ thủ tục hành chính.

- Cập nhật kịp thời các thông tin về hoạt động của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, các văn bản pháp luật, chính sách thuộc lĩnh vực quản lý của ngành. Xây dựng các chuyên mục về Chính quyền điện tử, chuyển đổi số trên Trang thông tin điện tử của Sở để tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số.

- Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu tại Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 06/01/2022 phê duyệt Đề án đẩy mạnh ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số quốc gia, giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Thường xuyên cập nhật thông tin công chức, viên chức, người lao động trên hệ thống phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức.

- Cập nhật đầy đủ thông tin, cơ sở dữ liệu trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và của Chính phủ.

- Tuyên truyền đến công chức, viên chức, người lao động đăng ký tài khoản định danh điện tử; Đăng ký tài khoản xác thực thông tin công dân để phục vụ cho việc giải quyết thủ tục hành chính.

#### **5. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng**

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của tỉnh.

- Cài đặt phần mềm diệt virus có bản quyền cho 100% máy tính của công chức, viên chức, người lao động.

- Cử chuyên viên phụ trách công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo

về quản lý, kỹ thuật an toàn, an ninh mạng; xử lý sự cố mất an toàn, an ninh mạng.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kỹ năng phòng, tránh nguy cơ an toàn thông tin cho công chức, viên chức, người lao động.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn, an ninh, các lỗ hổng bảo mật tại đơn vị để kịp thời phát hiện và có biện pháp xử lý kịp thời.

## **6. Phát triển nguồn nhân lực**

Bổ trí chuyên viên phụ trách công nghệ thông tin, đảm bảo an toàn an ninh thông tin và kiêm nhiệm chuyên đổi số, Đề án 06 của đơn vị; xây dựng nguồn nhân lực đủ trình độ chuyên môn cao phục vụ công tác chuyển đổi số theo yêu cầu phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin, phục vụ tốt theo yêu cầu của lãnh đạo; tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số, công tác đảm bảo an toàn thông tin cho lãnh đạo, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị.

100% công chức, viên chức, người lao động được cử tham gia đào tạo, tập huấn về Công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

## **7. Chuyển đổi số trong các lĩnh vực**

### **7.1. Lao động - Việc làm và Giáo dục nghề nghiệp**

Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện chuyển đổi số theo Kế hoạch của tỉnh đề ra cụ thể:

- Xây dựng hạ tầng và các hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ nhà giáo, học sinh, sinh viên theo hướng hiện đại, thiết thực, hiệu quả; ứng dụng nền tảng công nghệ số vào lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thông minh trong dạy học như: đổi mới nội dung, phương pháp dạy học (*bài giảng điện tử, giáo trình điện tử,...*), kết hợp học trực tiếp và học trực tuyến, kiểm tra và đánh giá kết quả dạy theo hướng đánh giá kỹ năng; cung cấp các khóa học trực tuyến (Elearning) cho người dân, nâng cao khả năng, cơ hội tiếp cận kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp.

- Triển khai về các hệ thống Học, tập huấn trực tuyến; Hệ thống hỗ trợ công tác kiểm định chất lượng giáo dục, hệ thống quản lý và xác thực văn bằng chứng chỉ; Xây dựng quy trình thực hiện các số điện tử trong giáo dục nghề nghiệp và các hệ thống hỗ trợ quản lý trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

- Ứng dụng Cổng thông tin điện tử và các kênh tương tác trực tuyến giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với phụ huynh, học sinh, sinh viên; khuyến khích phụ huynh phổ cập sử dụng điện thoại thông minh (smartphone) tương tác với cơ sở giáo dục nghề nghiệp; triển khai các kênh truyền thông như chuyên mục trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh để tuyên truyền phụ huynh, học sinh, sinh viên tăng cường tiếp cận các ứng dụng, dịch vụ công trực tuyến về giáo dục.

- Đẩy mạnh tuyên truyền và nâng cao nhận thức của người lao động, doanh nghiệp về chuyển đổi số; chú trọng áp dụng công nghệ, số hóa trong kết nối cung cầu lao động; tăng cường hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm của Trung tâm

Dịch vụ việc làm.

## **7.2. Chuyển đổi số lĩnh vực người có công**

- 100% thông tin về người có công được cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Phần đầu đến năm 2025 có 75% hồ sơ người có công được số hóa, phục vụ nhu cầu tra cứu thông tin và giải quyết chế độ, chính sách ưu đãi người có công được thuận tiện, dễ dàng so với việc trích lục hồ sơ giấy và đến năm 2030 trên 90% hồ sơ người có công được số hóa, phục vụ nhu cầu tra cứu thông tin và giải quyết chế độ, chính sách ưu đãi người có công được thuận tiện, dễ dàng so với việc trích lục hồ sơ giấy.

- Việc số hóa hồ sơ người có công phải dựa vào từng nhóm hồ sơ, đối tượng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng và một số đối tượng quy định khác; thiết lập cơ sở dữ liệu hồ sơ người có công phải đảm bảo được tính bảo mật cao, nhằm phòng ngừa khi có thiên tai, hỏa hạn xảy ra; phân loại sắp xếp, chỉnh lý hồ sơ một cách khoa học, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý, bảo quản và khai thác sử dụng.

## **7.3. Chuyển đổi trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, Chống tệ nạn**

Hàng năm, Phòng Bảo trợ xã hội và Phòng, Chống tệ nạn hướng dẫn Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung thông tin về tình hình hưởng chính sách trợ giúp xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo tại cơ sở vào phần mềm quản lý, nhằm đảm bảo 100% dữ liệu cần thiết phục vụ quản lý đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo tại cơ sở được số hóa, khai thác, sử dụng hiệu quả.

## **7.4. Chuyển đổi số trong lĩnh vực trẻ em**

Hàng năm, Phòng Trẻ em - Bình đẳng giới hướng dẫn Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung thông tin trẻ em tại cơ sở vào phần mềm quản lý, nhằm đảm bảo 100% dữ liệu cần thiết phục vụ quản lý đối tượng về trẻ em tại cơ sở được số hóa, khai thác, sử dụng hiệu quả.

## **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện chuyển đổi số từ nguồn: Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Văn phòng Sở**

- Chủ trì, phối hợp với các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở triển khai nội dung Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác cải cách hành chính.



- Rà soát đảm bảo hệ thống mạng máy tính tại cơ quan an toàn, ổn định; từng bước nâng cao chất lượng thông tin trên Trang thông tin điện tử của Sở; tăng cường sử dụng văn bản điện tử; tham mưu đảm bảo điều kiện vật chất, công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

- Phối hợp các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 về lĩnh vực ngành khi đủ điều kiện.

**2. Các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở:** trên cơ sở nội dung Kế hoạch này, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả chuyển đổi số lĩnh vực lao động, người có công và xã hội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Báo cáo tình hình triển khai thực hiện định kỳ về Văn phòng Sở tổng hợp.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở báo cáo Ban Giám đốc Sở (thông qua Văn phòng) để có biện pháp chỉ đạo, xử lý kịp thời.

**3. Phòng Kế hoạch - Tài chính:** bố trí kinh phí nhằm đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ tại kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch triển khai chuyển đổi số lĩnh vực lao động, người có công và xã hội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Sở Lao động - TB&XH tỉnh Đắk Nông./.

***Nơi nhận:***

- Bộ LĐTBXH (báo cáo);
- UBND tỉnh (để biết);
- Sở TTTT (để biết);
- Ban Giám đốc Sở (để chỉ đạo);
- Chánh Văn phòng Sở (Chỉ đạo t/h);
- Các PCM, ĐV SNCL thuộc Sở (t/h);
- Trang TTĐT;
- Lưu: VT, VP(P).

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Công Tự**